

ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VÀ QUAN NIỆM VỀ SỞ HỮU

TRƯƠNG GIANG LONG

Chúng ta biết rằng, đổi mới nhận thức về sở hữu là một trong những nền tảng cơ bản của mọi thành tựu và đổi thay đang diễn ra. Tuy nhiên, đứng trước những thách thức to lớn mà chúng ta đang phải đối mặt, nhất định cần đổi mới hơn nữa quan niệm về sở hữu và vai trò của các thành phần kinh tế trong giai đoạn hiện nay. Do chưa thực sự thống nhất cao và nhất quán cả trong nhận thức và hành động về vấn đề sở hữu mà nhiều tiềm năng vốn có của nền kinh tế chưa được khai thác đúng mức.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG KHẲNG ĐỊNH: THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG 20 NĂM ĐỔI MỚI LÀ TO LỚN VÀ CÓ Ý NGHĨA LỊCH SỬ, ĐỒNG THỜI CŨNG CHỈ RÕ ĐẤT NƯỚC ĐANG ĐỨNG TRƯỚC NHỮNG THÁCH THỨC KHÔNG NHỎ. Ngay từ Đại hội VII (1991) Đảng ta đã cảnh báo, chúng ta đang đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Hai nhiệm kỳ tiếp theo của Đại hội VIII và IX, toàn Đảng, toàn dân đã cố gắng phấn đấu góp phần thu ngắn khoảng cách tụt hậu nêu trên, nhưng thách thức vẫn ngày càng nghiêm trọng. Tụt hậu và tụt hậu xa hơn về kinh tế đang là một hiện thực. ▽

Trước năm 1991, nhất là trước thời kỳ đổi mới, sản xuất chưa đáp ứng được những nhu cầu tối thiểu trong nước, nhập siêu, vay nợ nước ngoài tăng cao. Từ 1991 đến nay, sản xuất không những đã đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của xã hội, mà còn có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, hạn chế mức nhập siêu. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong vòng 20 năm, nhất là từ 1990 - 2005 đã đi vào thế ổn

định. Tổng GDP của nước ta năm 2005 gấp 3,7 lần so năm 1985. Bình quân liên tục 20 năm đạt 6,8%; giai đoạn 1996 - 2005 đạt gần 7,6%/năm ⁽¹⁾.

Tuy đã đạt được chỉ số tăng trưởng cao, nhưng tính đến cuối năm 2005, GDP bình quân mới ở mức 10,1 triệu đồng/người/năm (tương đương 637 USD). Nếu tính theo tỷ giá sức mua nước ta cũng mới đạt ở mức trên 2.700 USD. Chỉ số này còn rất xa so với mức bình quân chung của khu vực và thế giới. Theo ý kiến của các chuyên gia kinh tế, giả thiết kinh tế của các nước trong khu vực có tốc độ tăng trưởng GDP bằng tốc độ tăng trưởng dân số (nghĩa là ở trạng thái đứng yên) thì Việt Nam muốn đuổi kịp In-đô-nê-xi-a và Phi-lip-pin phải 5 năm, Thái Lan là 20 năm, Ma-lai-xi-a là 24 năm, Bru-nây là 38 năm, Xin-ga-po trên 40 năm. Thời gian thu hẹp cách biệt nêu trên chỉ là con số có tính giả định, bởi trên thực tế không có nước nào đứng yên tại chỗ để chờ ta đuổi kịp. Sau khủng

(1) Số liệu của Vụ Kế hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

hoảng tài chính tiền tệ ở khu vực năm 1997 - 1998, các nước này đang phục hồi và phát triển với tốc độ thần kỳ. Rõ ràng, nền kinh tế Việt Nam so với các nước trong khu vực vẫn đang tụt hậu ngày càng xa hơn. Điều đó được thể hiện thông qua biểu hiện cụ thể của giá trị tuyệt đối. Người ta tính được rằng, giá trị tuyệt đối của Việt Nam tăng 1% chỉ tương đương 6,7 USD, trong khi đó của In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin cũng tăng 1% có giá trị tương đương trên 10 USD, Thái Lan 25 USD, Ma-lai-xi-a trên 45 USD, Bru-nây 140 USD, Xin-ga-po 240 USD. Như vậy, có thể thấy rất rõ cho dù tốc độ tăng của Việt Nam có cao hơn thì chênh lệch tuyệt đối về GDP bình quân đầu người vẫn còn cách biệt rất lớn so với các nước.

Để rút ngắn khoảng cách tụt hậu, cần phát triển theo chiều sâu. Nghị quyết Đại hội X chỉ rõ, tăng trưởng kinh tế nhanh nhưng phải ổn định và vững chắc. Để phấn đấu khắc phục thách thức và đạt được các mục tiêu nói trên, chúng ta cần phải có rất nhiều giải pháp đồng bộ, nhưng căn bản và cốt lõi nhất vẫn phải bắt đầu từ những giải pháp có căn nguyên cơ bản, đó là bắt đầu từ vấn đề sở hữu. Đổi mới nhận thức và quan niệm về sở hữu phù hợp với các quy luật khách quan chính là nền tảng cơ bản để đổi thay mọi cơ chế, chính sách góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phát triển.

Chúng ta biết rằng, đổi mới nhận thức về sở hữu là một trong những nền tảng cơ bản của mọi thành tựu và đổi thay đang diễn ra. Tuy nhiên, đứng trước những thách thức to lớn mà chúng ta đang phải đối mặt, nhất định cần đổi mới hơn nữa quan niệm về sở hữu và vai trò của các thành phần kinh tế trong giai đoạn hiện nay. Do chưa thực sự thống nhất cao và nhất quán cả trong nhận thức và hành động về vấn đề sở hữu mà nhiều tiềm năng vốn có của nền kinh tế chưa được khai thác đúng mức.

Rõ ràng, hội nhập và sức ép của hội nhập đang đặt chúng ta trước những thách thức gay gắt. Với những ưu thế vượt trội về khoa học-

công nghệ, vốn, sở hữu trí tuệ, năng lực tổ chức quản lý và những kinh nghiệm thương trường, lại gắn chặt với sở hữu và lợi ích rất cụ thể, các nước tư bản chủ nghĩa đang có nhiều ưu thế hơn chúng ta. Vì thế, xác lập rõ vị trí, vai trò của sở hữu và các thành phần kinh tế là giải pháp có ý nghĩa căn bản nhất trong điều kiện hiện nay.

Trước hết cần xác định cho rõ, ở Việt Nam hiện đang tồn tại bao nhiêu loại hình sở hữu. Trên thực tế đang có rất nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này. Gần đây Nghị quyết của Đại hội X đã xác định: "Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế"⁽²⁾. Quan điểm này của Nghị quyết tuy nhận được sự đồng thuận cao nhưng không phải không còn những khác biệt. Có thể khái quát hiện đang nổi lên mấy nhóm ý kiến khác nhau:

- Chỉ nên chia sở hữu thành hai khu vực, khu vực kinh tế nhà nước và dân doanh. Trên cơ sở hai khu vực này mà hình thành các loại hình sở hữu, các thành phần kinh tế.

- Cũng có ý kiến cho rằng cần xác lập về mặt nguyên tắc và gọi đúng bản chất chế độ sở hữu, từ chế độ sở hữu hình thành các loại hình sở hữu, các thành phần kinh tế.

- Ý kiến khác lại lập luận, nêu ba chế độ sở hữu như Nghị quyết Đại hội là có thể chấp nhận được. Từ ba chế độ sở hữu này sẽ có các hình thức sở hữu cụ thể và các thành phần kinh tế khác nhau thích ứng với từng chế độ sở hữu ấy. Dựa vào ba chế độ sở hữu: sở hữu toàn dân có kinh tế nhà nước; sở hữu tập thể có kinh tế tập thể; sở hữu tư nhân có cá thể, tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Như vậy, thành phần kinh tế tư nhân gồm cả tư bản tư nhân và cá thể, tiểu chủ.

Từ thời bao cấp chúng ta đã thừa nhận sự tồn tại kinh tế nhiều thành phần, trong đó ngoài

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 83

kinh tế quốc doanh và tập thể còn có kinh tế cá thể, tư bản tư nhân và công tư hợp doanh... Đó là cơ cấu kinh tế đặc trưng của cả thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng do nóng vội, chủ quan, duy ý chí, muốn "đốt cháy giai đoạn", bỏ qua nhanh chóng thời kỳ quá độ, nên đã hạn chế khuynh hướng phát triển khách quan của kinh tế cá thể, tiểu chủ và tìm mọi cách xóa bỏ kinh tế tư bản tư nhân. Kết quả là đã không khai thác và huy động được các nguồn lực tập trung đầu tư phát triển sản xuất, vì thế mà sản xuất trì trệ, tiềm lực của nền kinh tế bị kìm hãm.

Từ Đại hội VI, Đảng ta chính thức thừa nhận sự tồn tại khách quan của nhiều loại hình sở hữu, với thành phần kinh tế được xác định cụ thể: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; và xem đó là cơ cấu kinh tế của cả thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhận thức trên đây là phản ánh đúng xu thế phát triển khách quan và phù hợp với quy luật phát triển chung của thời đại. Tuy nhiên, cho đến nay, sau hơn 20 năm đổi mới, quan điểm định hướng cơ bản của Đại hội VI vẫn còn không ít ý kiến khác nhau, kể cả những ý kiến khác nhau ở cấp vĩ mô. Sự thiếu nhất quán trên đây không những tác động nhiều mặt đến quá trình hoạch định chiến lược, cơ chế, chính sách, mà còn hạn chế cả quá trình huy động các nguồn lực, thậm chí ít nhiều còn ảnh hưởng cả đến chính sách đối ngoại trong hoàn cảnh mới.

Tư duy nhất quán của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam đã được thể hiện và khẳng định rất rõ, chế độ ta là chế độ của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là mục tiêu nhất quán xuyên suốt toàn bộ quá trình phấn đấu đi lên chủ nghĩa xã hội. Do vậy, mọi phương thức nhằm tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho tất cả các thành viên trong xã hội (không có sự phân biệt đối xử), các loại hình sở hữu, các thành phần kinh tế phát huy đến cao nhất những khả năng vốn có

về tài lực, vật lực, kinh nghiệm và các mối quan hệ quốc tế..., tổ chức sản xuất kinh doanh làm ra nhiều của cải vật chất cho bản thân và cho xã hội, đều phải được tận dụng và khuyến khích phát triển. Xuất phát từ bản chất, mục tiêu của chế độ ta trong thời kỳ quá độ, cần nhận thức rằng, tuy rất quan trọng và cần thiết nhưng không nên xem sở hữu là mục tiêu duy nhất phải đạt được bằng mọi giá. Sở hữu chỉ là phương thức để thực hiện các mục tiêu bản chất của chế độ đã được xác định, do đó sở hữu phải luôn luôn thay đổi cho phù hợp với xu thế phát triển chung và những yêu cầu rất thiết thực được đặt ra cụ thể trong từng giai đoạn. Trên cơ sở chế độ sở hữu toàn dân, tập thể và chế độ sở hữu tư nhân, chúng ta có các loại hình sở hữu cụ thể tùy thuộc vào thực tế phát triển và nhu cầu của xã hội. Không nên máy móc để rồi đóng khung xu thế phát triển ở bao nhiêu thành phần kinh tế, bao nhiêu loại hình sở hữu cụ thể. Nên thống nhất chung về mặt nhận thức có hai chế độ sở hữu gắn với hai khuynh hướng phát triển của hai chế độ chính trị. *Chế độ sở hữu toàn dân, tập thể là nền tảng kinh tế được tạo lập để từng bước đưa đất nước quá độ đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa - nền tảng kinh tế, cơ sở khách quan của quá trình hình thành chế độ mới. Chế độ sở hữu tư nhân là nền tảng kinh tế của quá trình tự phát đi theo khuynh hướng phát triển tư bản chủ nghĩa - cơ sở kinh tế khách quan của quá trình tồn tại và phát triển của phương thức sản xuất và chế độ tư bản chủ nghĩa.* Thích ứng với các chế độ sở hữu ấy còn có các loại hình sở hữu hỗn hợp khác nhau, không nên khống chế và định sẵn bao nhiêu loại hình sở hữu cho từng loại và bao nhiêu loại hình sở hữu chung của cả hai loại. Càng không nên quy định từng loại hình sở hữu ấy tồn tại bao lâu về mặt thời gian trong quá trình phát triển. Áp đặt như vậy vừa không phản ánh đúng yêu cầu thực tế khách quan, vừa hạn chế khả năng khai thác và huy động các nguồn lực. Tuyệt đối không nên dùng quyền lực chính trị để can thiệp và chi phối vào quá trình phát triển khách quan

của các loại hình sở hữu cụ thể. Nếu sự tồn tại khách quan của các loại hình sở hữu là một hiện thực tất yếu, thì bản thân nó phải được điều tiết và định chế bởi các quy luật khách quan, được tồn tại cho đến khi nào không còn thích ứng với nhu cầu phát triển, khi ấy bản thân nó sẽ bị các quy luật kinh tế đào thải. Vai trò của Nhà nước là định hướng pháp lý cho quá trình tự đào thải ấy diễn ra trong trật tự pháp luật. Tránh khuyến khích tự phát để tạo ra những xáo trộn và đổ vỡ không cần thiết về mặt xã hội. Trên cơ sở chế độ sở hữu và các loại hình sở hữu cụ thể không nhất thiết phải xác định thêm có bao nhiêu thành phần kinh tế, sở hữu thuộc về ai tất yếu thành phần kinh tế sẽ thuộc về chủ sở hữu ấy. Như vậy, Nhà nước chỉ cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế quản lý và chính sách thích hợp cho từng loại hình sở hữu, tạo ra hành lang pháp lý hữu hiệu, cơ chế chính sách linh hoạt để các loại hình sở hữu hoạt động tích cực có hiệu quả.

Thừa nhận sự tồn tại khách quan của các loại hình sở hữu trên cơ sở tất cả các loại hình sở hữu đều bình đẳng trong khuôn khổ của luật pháp và đều là bộ phận cấu thành kết cấu kinh tế trong nền kinh tế là một bước tiến cả về nhận thức lẫn bản lĩnh chính trị của Đảng ta trong điều kiện hiện nay. Bình đẳng trước pháp luật nghĩa là tất cả các thành phần kinh tế đều được quyền tham gia sản xuất kinh doanh những gì mà luật pháp không cấm, đồng thời các loại hình sở hữu đều phải có trách nhiệm và nghĩa vụ như nhau trước nhu cầu phát triển chung của xã hội. Họ được nhà nước tạo mọi điều kiện để cùng phát triển. Thừa nhận sự bình đẳng giữa các loại hình sở hữu là nhân tố tạo động lực cho quá trình phát triển, không chỉ riêng về kinh tế mà còn tác động đến nhiều lĩnh vực khác, kể cả trong mối quan hệ giao tiếp giữa Việt Nam với các nước và giữa các loại hình sở hữu các doanh nghiệp trong nền kinh tế với quốc tế.

Rõ ràng, để nhanh chóng thoát khỏi tình trạng tụt hậu xa hơn về kinh tế, cần phải huy động và tạo mọi điều kiện để tất cả mọi công

dân có khả năng đều có thể tham gia đóng góp vào quá trình phát triển. Đương nhiên, nói bình đẳng và được tạo mọi điều kiện không có nghĩa là buông lỏng để cho các loại hình sở hữu phát triển tự phát điều tiết, chi phối xã hội. Cần khẳng định, ở Việt Nam, Đảng Cộng sản là đảng cầm quyền, Nhà nước là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, tức luật pháp của chế độ ta giữ quyền chủ đạo chi phối tất cả các hoạt động của chủ sở hữu, bảo đảm mọi hoạt động phải được diễn ra trong vòng trật tự pháp luật. Quá trình phấn đấu để đến một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh là một quá trình phấn đấu lâu dài. Thừa nhận sự tồn tại của nhiều loại hình sở hữu và mức độ sở hữu khác nhau cũng có nghĩa là thừa nhận sự bất bình đẳng nhất định về mặt thu nhập. Trong những giai đoạn nhất định, đời sống của các tầng lớp nhân dân vẫn còn những cách biệt về mặt thu nhập xuất phát từ sự khác biệt về sở hữu. Quyền lực của chế độ là phấn đấu từng bước nâng mức sống của những người có thu nhập thấp, mà cụ thể là xóa đói, giảm nghèo, thu ngắn khoảng cách giàu nghèo. Đây là một nhiệm vụ xuyên suốt cả thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Còn một vấn đề khác cũng cần nhận thức lại, trong điều kiện hiện nay, sở hữu vẫn là nhân tố quan trọng và luôn luôn có ý nghĩa quyết định đối với quy mô thu nhập, nhưng sự phân cực xã hội không còn hoàn toàn lệ thuộc vào duy nhất một mình sở hữu tư liệu sản xuất. Sở hữu trong thời đại và điều kiện hiện nay còn bao hàm cả sở hữu trí tuệ và sở hữu vốn.

Xét về mặt lý luận, cho đến nay quan điểm về sở hữu theo quan niệm truyền thống đã có những đổi thay khác với quan niệm của C. Mác. Nếu cách đây hơn 150 năm C. Mác đã nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của sở hữu mà hạt nhân là sở hữu tư liệu sản xuất. Sở hữu tư liệu sản xuất là nhân tố phân định sự khác biệt căn bản về mặt địa vị giữa các thành viên

(Xem tiếp trang 67)

nay. Có người bóng gió nói rằng phải biết "hát tân cổ giao duyên" thì mới tồn tại được ông ạ... Chúng cháu thiết nghĩ, đây có phải là hình thái quản lý tất yếu của thời kỳ này đó không ông?

Thứ hai, như ông thường dạy, chúng cháu phải hiểu lịch sử và truyền thống của ông, cha. Nhiều bạn cháu khi nghiên cứu lịch sử nước ta tranh luận với cháu là tại sao nước ta vốn có nhiều người giỏi và truyền thống hào hùng vậy mà đến nay vẫn "được" xếp vào nước kém phát triển? Cháu giải thích như ông vẫn dạy, bạn cháu chưa "chịu". Còn chất vấn: Nước ta giải phóng đã hơn 30 năm rồi, nhìn sang nước khác, sao họ phát triển nhanh thế. Cháu nói, mình là nước nông nghiệp lạc hậu, dân trí nhìn chung còn thấp, lại dồn sức lực cho chiến tranh giữ nước nên không thể như nước khác được. Chúng nó vẫn không thông và tiếp tục đưa ra một loạt câu hỏi: Tại sao các nước cạnh ta cũng phong kiến, lạc hậu, cũng chiến tranh mà họ có bước đi thần kỳ, vừa nhanh vừa vững. Phải chăng họ đã dũng cảm bàn giao cho thế hệ sau trọng trách - mà chỉ có thế hệ này mới

làm được. Họ không cầm tay chỉ việc, không áp đặt, công thần. Họ nhận ra rằng mình có công nhưng không ý vào cái công ấy để "găm nhăm thành tích"... Bạn cháu còn bình luận, ở nước ta hiện nay có không ít cán bộ giữ trọng trách nhưng rất cá nhân, bảo thủ, công thần. Đó có phải là rào cản lớn làm cho nước ta tụt hậu không hả ông?

Nghe một hồi, ông nội dăm chiêu. Ông không trả lời trực tiếp vào câu hỏi của cháu mà lặng lẽ vào giường nằm. Cháu lo quá, trăn trở không sao ngủ được, cứ ân hận, dằn vặt, ngộ nhớ ông giận thì khôn... Hai tháng sau, cháu nhận được thư ông. Ông đã suy nghĩ rất kỹ và tự nguyện bàn giao công việc đang đảm trách. Ông còn viết: Những điều mà thế hệ của ông và cha cháu trước đây đã làm được trong công cuộc giữ nước là rất lớn, rất vĩ đại, nhưng điều làm cho thành tựu đó trở nên có giá trị thiết thực hơn là dùng chậm trễ nữa, phải biết bàn giao thế hệ đúng lúc - thời đại nào cần có con người ấy. Đó mới là trách nhiệm trọn vẹn của thế hệ cha ông đối với thế hệ các cháu. □

Đổi mới nhận thức...

(Tiếp theo trang 51)

của xã hội trong quá trình tổ chức quản lý và điều hành nền sản xuất. Đây là nguồn gốc căn bản của mọi sự khác biệt, khác biệt về địa vị xã hội, về quy mô thu nhập và về cả những thang bậc giá trị xã hội. Đấu tranh xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, từng bước thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức sở hữu toàn nhân dân, sở hữu tập thể là mục tiêu của chủ nghĩa cộng sản. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất sẽ là nhân tố xóa bỏ mọi đối kháng về địa vị và lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Lô-gíc phát triển và nhận định ấy của C. Mác cho đến nay vẫn còn nguyên những giá trị đích thực sống động. Chuyển sang giai đoạn phát triển mới, tính chất cạnh tranh gay gắt và quyết liệt của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải có quá trình tích lũy và tập trung tư bản ngày

càng lớn, đầu tư trí tuệ ngày càng nhiều. Có tư liệu sản xuất trong tay, nhà tư bản không hẳn đã đủ sức cạnh tranh thắng lợi; vốn và khoa học - công nghệ là những nhân tố không thể thiếu của quá trình phát triển trong điều kiện bùng nổ thông tin, hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay. Chính vì vậy, sở hữu trí tuệ, sở hữu vốn trở thành những bộ phận không thể thiếu của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vốn và trí tuệ tham gia chi phối và điều tiết rất quan trọng đến tất cả các thang bậc giá trị trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sự khác biệt về mọi phương diện trong lòng phương thức sản xuất tư bản đều bắt đầu từ sở hữu tư liệu sản xuất, nhưng giờ đây điều đó không còn là duy nhất. Những tác động của thời cuộc đã ảnh hưởng sâu rộng đến sự thay đổi của sở hữu và những quan niệm của con người về sở hữu. Cần phải nhận thức đúng lô-gíc của quá trình phát triển để nhận rõ chân giá trị của sở hữu được biểu hiện cụ thể trong quá trình phát triển. □